

NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH HỖ TRỢ NĂNG LỰC GIAO TIẾP

Trần Thị Ái Hoa
Trường Đại học Khánh Hòa

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 12/02/2023

Ngày phản biện: 08/04/2023

Ngày duyệt đăng: 21/04/2023

Title: Study on methods of learning English vocabulary for communication

Từ khóa: Từ vựng, phương pháp, giao tiếp

Keywords:

English vocabulary, learning methods, communication

ABSTRACT: Vocabulary is regarded as skin and flesh of a body because grammar only cannot work as a builder for the body. Actually, many people who have learned English for years and even mastered English grammar cannot make good communication. That is because of their lack of vocabulary and do not know how to use it in the reality. Then learning how to learn English words to communicate well is still controversial nowadays. This paper presents a model of word usage including form, meaning, use and context to drive ways of learning English to successful communication. Many findings from studies on this issue are released and considered being good suggestions of effective English vocabulary competency.

TÓM TẮT: Từ vựng được ví như tế bào của một cơ thể. Có ngữ pháp tốt nhưng thiếu từ vựng hoặc không đủ lượng từ cần thiết thì không thể giao tiếp được. Thực tế đã chỉ rõ nhiều người học tiếng Anh lâu năm nhưng không thể giao tiếp được bằng tiếng Anh. Có nhiều nguyên nhân nhưng một nguyên nhân quan trọng đó là họ thiếu vốn từ vựng tiếng Anh và cách sử dụng chúng. Vậy để biết có phương pháp nào học tốt từ vựng tiếng Anh giúp giao tiếp tốt luôn là những trăn trở của nhiều người học tiếng Anh. Bài báo này tóm tắt những nghiên cứu dựa trên một mô hình học từ vựng giúp giao tiếp tiếng Anh hiệu quả. Đó là mô hình gồm 4 yếu tố: Hình thức từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và ngữ cảnh sử dụng từ.

1. Mở đầu

Trong xu thế hội nhập toàn cầu hiện nay, tiếng Anh luôn là một ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, vì vậy học tiếng Anh tốt luôn là yêu cầu đối với người học tiếng Anh. Kiến thức về từ vựng đóng vai trò rất quan trọng trong việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Thật vậy, việc sử dụng thành thạo và lưu loát chủ yếu phụ thuộc vào sự luyện tập, các yếu tố căn bản vẫn là các đơn vị nghĩa như từ, cụm từ và câu, mà yếu tố từ vựng là thành phần quan trọng trong các đơn vị nghĩa. Phương pháp học từ vựng là yếu tố cần thiết giúp việc giao tiếp đạt hiệu quả.

Thực tế cho thấy từ vựng rất cần thiết có vị trí số 1 trong các kỹ năng ngôn ngữ. Khi bạn nói một điều gì đó có thể sai ngữ pháp người nghe vẫn có thể hiểu bạn đang nói bởi bạn có những từ vựng đủ nghĩa. Cũng vậy, khi bạn có ngữ pháp tốt nhưng

bạn không hiểu đủ số từ vựng cần thiết thì khó mà hiểu ý tưởng của văn bản hoặc diễn đạt đủ ý cho một lá thư xin việc chẳng hạn. Đúng như Wilkin (1972) kết luận một cách ngắn gọn nếu không có ngữ pháp thì truyền đạt ít thông tin nhưng nếu không có từ vựng thì không có thông tin nào được truyền đạt cả. Vì vậy từ vựng là kiến thức nội hàm cơ bản nhất của việc sử dụng ngoại ngữ. Từ vựng có thể xem như các tế bào nhỏ hình thành nên khả năng sử dụng ngoại ngữ của người học.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Tầm quan trọng của từ vựng

Từ vựng là một trong những lĩnh vực kiến thức của ngôn ngữ đóng một vai trò quan trọng đối với người học trong việc tiếp nhận ngôn ngữ. Kiến thức về từ vựng được xem như một công cụ quan trọng cho

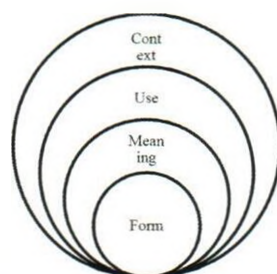
người học ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ vì vốn từ vựng hạn chế trong ngôn ngữ thứ hai sẽ cản trở việc giao tiếp thành công. Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp thu kiến thức từ vựng, Schmitt (2000) cho rằng kiến thức từ vựng là trung tâm của năng lực giao tiếp để đạt được một ngôn ngữ thứ hai. Nation (2001) mô tả sâu hơn mối quan hệ giữa kiến thức từ vựng và sử dụng ngôn ngữ và ngược lại, trong đó việc sử dụng ngôn ngữ dẫn đến gia tăng kiến thức từ vựng. Tầm quan trọng của từ vựng được chứng minh hàng ngày trong và ngoài nhà trường. Trong lớp học, những học sinh khá giỏi sở hữu vốn kiến thức từ vựng đầy đủ nhất. Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận ra rằng việc tiếp thu từ vựng là điều cần thiết để sử dụng thành công ngôn ngữ thứ hai và đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành văn bản nói và viết hoàn chỉnh. Khi tiếng Anh được sử dụng như một ngôn ngữ thứ hai hoặc là một ngoại ngữ thì việc học từ vựng đóng vai trò quan trọng trong tất cả các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết (Nation, 2001). Thật vậy, nếu không có vốn từ vựng phong phú chúng ta sẽ không thể sử dụng cấu trúc và chức năng mà chúng ta đã học để có thể hiểu được khi giao tiếp [10].

Nhiều nghiên cứu phát hiện rằng từ vựng có một “hệ thống kết thúc mở” với sự thành lập đa dạng về ngữ nghĩa. Tương tự, các nhà nghiên cứu về từ vựng cho thấy từ vựng không phải là một từ riêng lẻ mà đề cập đến tất cả các loại từ của ngôn ngữ. Trong giao tiếp, những phần từ và cụm từ tiếng Anh gồm từ 2 từ trở lên ví dụ như “Good morning” hoặc “Nice to meet you” dù đơn giản nhưng được sử dụng có quy tắc rõ ràng tạo nên một trường nghĩa nhất định trong một ngữ cảnh cụ thể trong ngôn ngữ nói và viết hoặc nghe và đọc. Những qui tắc đó là trình tự công thức là trung tâm của học từ vựng tiếng Anh mà người học cần lưu ý. Từ những nhận định trên, từ vựng được định nghĩa là các từ của một

ngôn ngữ, bao gồm các mục từ đơn lẻ và cụm từ hay một dãy các từ có ý nghĩa cụ thể. Các quy tắc tạo nên nghĩa của từ là điều quan trọng của từ vựng mà người học cần biết. Một trường phái khác có định nghĩa về từ vựng liên quan đến cách sử dụng để giao tiếp hiệu quả, đó là từ dùng trong lời nói gọi là từ diễn đạt (expressive) và từ trong nghe, đọc gọi là từ tiếp nhận (receptive). Từ vựng là một kho từ được sử dụng bởi một người, một nhóm người hay một nhóm nghề và là trung tâm của ngôn ngữ và cốt lõi của mọi hoạt động thuộc ngôn ngữ của người học.

2.1.2. Các yếu tố liên quan về kiến thức từ vựng

Khi giao tiếp có dùng từ vựng, người học cần có một kiến thức nhất định về từ. Có các yếu tố liên quan với từ gồm dạng từ (form), nghĩa (meaning) của từ và cách dùng từ (use) (Nation, 2001). Theo đó hình thức của từ là cách phát âm của từ, dạng từ và cấu trúc thành lập từ, nghĩa của từ là ý nghĩa hoặc sự chiếu chi của một đối tượng mà từ đó hướng về, cách sử dụng từ là các chức năng về liên kết ngữ pháp của từ, thành ngữ tạo cụm từ, tạo câu. Một yếu tố quan trọng nữa là từ phải được hiểu và sử dụng đúng ngữ cảnh (context). Khi một từ hay cụm từ được đọc lên nhiều lần hoặc được ghi chép để ghi nhớ vào bộ nhớ thì không có nghĩa nó được luyện tập mà nó cần phải được nghe và xem qua nhiều ngữ cảnh khác nhau. Bốn yếu tố này có liên kết chặt chẽ với nhau là nền tảng kiến thức cho người học từ vựng tiếng Anh (Hình 1).



Hình 1. Sự liên kết các yếu tố của kiến thức từ vựng

2.1.3. Các nghiên cứu về phương pháp học từ vựng

Có nhiều nghiên cứu về các phương pháp học từ vựng, trong đó chủ yếu có phương pháp học từ vựng dựa vào tình huống, ngữ cảnh và phương pháp học từ vựng không dựa vào tình huống và ngữ cảnh. Học từ vựng dựa vào ngữ cảnh là học từ trong một nội dung tình huống cụ thể và học từ không dựa vào ngữ cảnh là học từ trên một danh sách từ (word list). Các phương pháp học từ vựng dựa vào ngữ cảnh và không dựa vào ngữ cảnh có nhiều ưu điểm.

Một nghiên cứu tại Trường Đại học Trà Vinh [10] đã phát hiện có nhiều quan điểm đối lập nhau cùng tồn tại giữa các chuyên gia ngôn ngữ liên quan đến hai phương thức học từ vựng này. Họ đã cho thấy có rất nhiều bằng chứng mang tính thuyết phục cao chứng minh rằng học từ vựng dựa vào ngữ cảnh (từ các tài liệu thực tế) mang lại nhiều hiệu quả hơn là dựa vào danh sách từ vựng được liệt kê sẵn. Ví dụ, Oxford và Scarcella (1994) đã tìm ra việc học tập từ vựng không dựa vào ngữ cảnh sẽ có thể giúp sinh viên ghi nhớ từ vựng để phục vụ cho các bài thi, kiểm tra, nhưng sinh viên sẽ quên các từ vựng đó một cách nhanh chóng ngay sau các bài thi hay kiểm tra đó. Tương tự, McCarthy (1990) phát biểu rằng nếu sinh viên học từ vựng qua một tình huống có ý nghĩa, nội dung rõ ràng thì sinh viên sẽ ghi nhớ và đồng hóa từ vựng đó trong một thời gian lâu hơn. Tuy vậy, hầu hết các nghiên cứu chưa tìm ra được việc có hay không việc học từ vựng trong các tình huống “yêu thích” có hiệu quả như thế nào so với những tình huống không gây sự hứng thú cho sinh viên. Việc học từ vựng trong ngữ cảnh được mô tả đó là các cách học từ qua xem phim, nghe nhạc, đọc truyện ngụ ngôn, truyện cười và các hình thức khác thông qua một nền tảng hoặc tình huống cụ thể của từ vựng.

Các phương pháp học từ vựng không dựa vào ngữ cảnh nào được các nhà nghiên cứu thực hiện điều tra và phát hiện sử dụng nhiều nhất. Các phương pháp mang tính máy móc được sinh viên sử dụng nhiều hơn so với các phương pháp có tính tư duy. Tuy nhiên việc học máy móc này lại được sinh viên sử dụng khá nhiều như học thuộc lòng, nhắc lại nhiều lần các từ vựng đang học (Cohen và Aphex, 1981; O'Mally, 1985). Tuy nhiên, các kết quả đã gây thất vọng cho các nhà nghiên cứu là họ phát hiện các phương pháp đó không hiệu quả đối với sinh viên. Điều này ứng với Giả thuyết Chiều sâu của việc xử lý thông tin tiếp nhận (Depth of Proccessing Hypothesis) của Ellis (1995) rằng các phương pháp học xử lý thông tin ở mức nông (Shallow proccessing) chỉ giúp sinh viên dừng lại ở mức độ luyện tập nói (oral rehearsal) mà không giúp sinh viên lưu lại trong trí nhớ, trong khi đó với phương pháp xử lý sâu thì sinh viên sẽ tiếp cận từ vựng về cả phương diện dạng thức (form) và ngữ nghĩa (meaning) và kết quả là tăng cường khả năng ghi nhớ và vận dụng của sinh viên.

Nhiều nhà nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra sinh viên khá giỏi và sinh viên yếu kém để tiếp thu từ vựng để tìm ra cách học từ hiệu quả. Trong một nghiên cứu trên 300 sinh viên Sudan học tiếng Anh, Ahmed (1989) đã nhận thấy rằng các phương pháp học từ vựng của sinh viên khá giỏi không những nhiều hơn về số lượng mà còn đa dạng hơn về thể loại so với sinh viên yếu kém. Nghiên cứu của Sannoui (1992, 1995) xác định được hai khuynh hướng tiếp cận việc học từ vựng ngoại ngữ khác nhau. Thứ nhất là những sinh viên có thể định hình được việc học từ vựng của mình thì sẽ tự mình có thể tham gia vào các hoạt động học tập và luyện tập các từ vựng cần học. Còn những sinh viên không định hình việc học từ vựng của mình sẽ không độc lập. Thủ thuật học từ vựng nói chung là một phần nhỏ của các

thủ thuật học tập trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ. Tuy nhiên, những sinh viên khá giỏi mới có thể thực hiện những thủ thuật này vì họ đã có định hình được việc học tập trong đó có việc học từ vựng. Nhiều nhà nghiên cứu khác kêu gọi giúp đỡ sinh viên cải thiện phương pháp học tập trên nhiều cơ sở khác nhau. Sokmen (1997) đề cao việc giúp người học tiếp nhận từ vựng theo cách riêng của mình trong lớp học, tuy nhiên sinh viên không thể học thuộc tất cả từ vựng họ cần trong quá trình học tập trên lớp. Tương tự, Cunningsworth (1995) xem việc giúp sinh viên xây dựng thủ thuật học từ vựng riêng cho họ là một phương pháp có hiệu quả hơn và đề xuất năm bước trong quá trình học từ vựng của một ngoại ngữ, đó là: có nguồn đề tiếp cận với vốn từ vựng mới (Source); có hình thức rõ ràng hơn cả về hình ảnh và âm của những từ đó (Form); học nghĩa của từ (meaning); ghi nhớ dạng thức và nghĩa của từ (memory); sau đó là sử dụng từ (Use).

Tuy nhiên các bước này cũng chỉ mới giúp học từ ở mức độ nhớ nông mà chưa thể giúp người học đạt được trình độ sử dụng từ trong thực tế. Để chứng minh điều này, Hamzah và cộng sự (2009) đã phân loại các thủ thuật học từ vựng của sinh viên theo mức độ được sử dụng nhiều nhất từ: quyết định, ghi nhớ, siêu nhận thức, nhận thức và xã hội. Trên cơ sở phân loại trên họ cũng liệt kê được các phương pháp học từ vựng cụ thể theo từng loại như (1) sử dụng từ điển đơn ngữ, (2) đoán nghĩa từ ngữ cảnh, (3) học từ mới nhiều lần, (4) liên hệ từ vựng với từ đồng nghĩa và trái nghĩa của nó, (5) sử dụng từ mới trong câu, (6) sử dụng các kênh truyền thông bằng tiếng Anh, (7) ghi chú, (8) Học âm của từ, (9) lập danh sách từ mới, (10) viết đoạn sử dụng nhiều từ vựng mới, (11) học từ với bạn cùng lớp, (12) hỏi bạn học để biết nghĩa của từ (13) kiểm tra từ tương đương trong ngôn ngữ mẹ đẻ, (14) sử dụng các hành động cụ thể khi học từ vựng, (15)

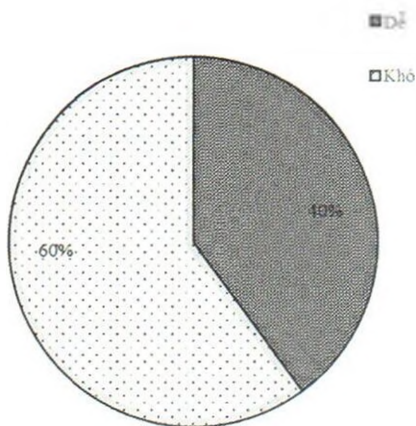
trò chuyện với người bản xứ, (16) hỏi giáo viên nghĩa của từ mới. Ngoài ra, có nhiều bí quyết giúp sinh viên học từ tốt, đó là: Đoán từ trong ngữ cảnh; Phân tích từ trong ngữ cảnh; Tìm đầu mối bối cảnh; Giải thích chi tiết.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu mới nhất về phương pháp học từ vựng giúp phát triển kỹ năng Đọc hiểu tiếng Anh đã được thực hiện tại trường Đại học Khánh Hòa (2021). Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi (questionnaire) và phỏng vấn (interview) đã được sử dụng đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh mục đích tìm ra nhưng khó khăn trong học từ vựng tiếng Anh và tìm ra phương pháp học giúp họ cải thiện phương pháp học tập. Điều tra được thực hiện giai đoạn 1 với Bảng câu hỏi điều tra gồm 7 câu hỏi đa lựa chọn và 1 câu hỏi mở. Nội dung câu hỏi được sắp xếp theo thứ tự từ những khó khăn sinh viên thường gặp về đọc hiểu đến số lượng từ học được, thời gian học và phương pháp học từ vựng giúp cho kỹ năng đọc hiểu. Ba nhóm thông tin được chú trọng, đó là (1) Những khó khăn người học gặp phải khi đọc hiểu một văn bản, (2) Những phương cách học từ vựng của người học và (3) Tiến bộ trong học từ vựng. Giai đoạn 2 của điều tra được thực hiện bằng phương pháp phỏng vấn có cấu trúc (structured interview) trên một nhóm sinh viên có học lực giỏi các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong đó có đọc hiểu. Câu hỏi phỏng vấn gồm 8 câu hỏi mở do người nghiên cứu đề nghị được sắp xếp theo thứ tự nội dung từ phương pháp tự học đến sự tiến bộ của học trong quá trình học tập.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy người học gặp nhiều khó khăn trong học từ vựng giúp đọc hiểu một đoạn văn ở trình độ Tiếng Anh B2. Từ các kết quả khảo sát bằng bảng câu hỏi điều tra cho thấy lớp học có 60% trong tổng số sinh viên gặp khó khăn trong đọc hiểu (Hình 2).

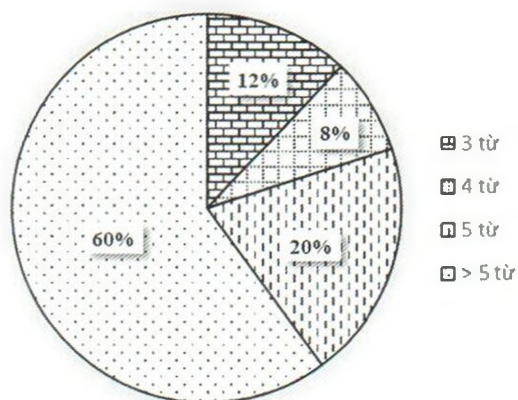


Hình 2. Tỷ lệ sinh viên gặp khó khăn trong đọc hiểu

Nhiều sinh viên khi làm bài đọc hiểu đều thấy trong bài đọc có rất nhiều từ mới, số lượng này cũng chiếm 60% (Hình 2 và 3). Họ không hiểu nghĩa của từ để hiểu ý tưởng, có sinh viên hiểu từ vựng nhưng không hiểu ngữ cảnh của bài đọc. Đôi khi bài đọc dài với lượng từ nhiều khiến họ khó nắm bắt ý chính. Việc hiểu không hết các nghĩa của từ vựng và lượng từ vựng không đủ để hiểu đoạn văn. Tuy vậy có gần 40% sinh viên không gặp khó khăn. Đây là số sinh viên khá và giỏi của lớp.

Bằng phương pháp phỏng vấn với nhóm sinh viên khá, giỏi tiêu biểu của khoa Ngoại Ngữ một số các phương pháp học từ vựng được trích xuất một cách thực tế. Họ đã sử dụng nhiều phương tiện tự học như Youtube, các link hướng dẫn học tiếng Anh trong các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, các loại sách báo, truyện tiêu thuyết là những phương tiện cung cấp lượng từ vựng phong phú. Nghiên cứu đã phát hiện những cách học từ vựng khác nhau của 2 đối tượng sinh viên khá/ giỏi và sinh viên trung bình và kém.

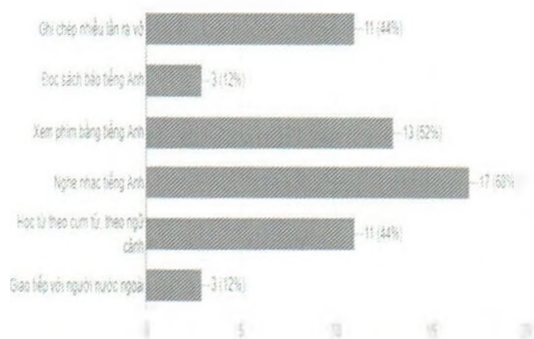
Nhóm sinh viên trung bình và kém có nhiều cách học và thay đổi phương pháp liên tục. Trong khi đó nhóm sinh viên khá giỏi tập trung vào một số phương pháp học cụ thể. Điều này cho thấy nhóm sinh viên khá, giỏi học từ vựng hiệu quả hơn khi họ tập trung vào một số phương pháp và giữ tăng suất học liên tục.



Hình 3. Tỷ lệ sinh viên gặp khó khăn trong đọc hiểu các nhóm từ

Các phương pháp học từ vựng của sinh viên khá giỏi tập trung chủ yếu vào hai cách, thứ nhất là xem phim, nghe nhạc và thứ hai là đọc sách, báo và tìm đọc tất cả các chủ đề. Họ học từ trong ngữ cảnh của bản nhạc, bộ phim hay các chủ đề trong các báo hoặc tạp chí. Đây là phương pháp học từ trong ngữ cảnh giúp người học nâng cao năng lực hiểu từ qua chủ đề ngữ cảnh. Với các phương pháp này họ tích lũy được lượng từ nhiều (từ 10 đến 20 từ một lần học) và biết cách dùng từ trong các kỹ năng không chỉ đọc mà có cả nói, nghe và viết. Điều này phù hợp với các nghiên cứu nêu trên là càng có số lượng từ vựng càng nhiều thì người học có thể đọc hiểu tốt các văn bản có chủ đề khoa học.

Để ghi nhớ từ vựng đã học đa số sinh viên trung bình và kém (64%) học từ một cách máy móc đó là “ghi chép nhiều lần ra vở” khi học từ trong câu tục ngữ, ca dao; ghi chép ra vở và chơi trò chơi tiếng Anh; dùng bút dạ để bôi đậm từ vựng; ghi vào giấy nhớ và dán ở những chỗ thường xuyên đi qua trong nhà; dịch mọi thứ sang tiếng Anh và ngược lại; học trên mạng; nghe nhạc và học từ theo cụm; mỗi ngày học 10 từ, lặp lại thường xuyên và tăng dần lượng từ,...



Hình 4. Phương pháp học từ vựng của sinh viên

Theo các nghiên cứu đã nói trên, với các cách học này khiến người học dễ quên, mặc dù học từ khi nghe nhạc nhưng không nắm được từ vựng trong bài hát hoặc xem phim và khi chép từ ra vở rồi không sử dụng thì quên và cũng như chưa học. Đó là do xử lý từ vựng ở mức nông chỉ giúp người học dừng lại ở mức độ luyện tập nói ban sơ (oral rehearsal) không giúp lưu lại trong trí nhớ đến khi đọc một bài đọc hiểu với các chủ đề thuộc khoa học hoặc nâng cao người học không nhớ mình đã học loại từ thuộc chủ đề đó (Ellis, 1995).

Trong khi đó, cách ghi chép từ vựng để nhớ của sinh viên khá, giỏi lại giúp việc học từ hiệu quả. Họ đã tìm các bài báo bằng tiếng Anh rồi chọn chủ đề để học, không học dịch từng chữ mà đoán từ vừa đọc vừa đoán nghĩa của các từ mới, sau khi đọc xong sẽ ghi các từ mới ra giấy và tìm nghĩa của từ đó. Sau khi biết nghĩa của từ họ đọc lại bài báo một lần nữa, cuối cùng là viết các từ mới vào giấy và dán xung quanh phòng. Sinh viên học từ trong ý nghĩa của đoạn văn bằng cách tìm từ đồng nghĩa của từ trong câu.

Đối với sinh viên khá giỏi, phương pháp học từ vựng bằng phim ảnh, âm nhạc được cho hiệu quả nhất, sau đó là học từ bằng cách đọc tài liệu. Đây là một cách tiếp cận các tình huống thực tế để biết cách giao tiếp bởi họ có thể nghe người bản xứ nói, hát, viết tiếng Anh một cách nguyên bản nhất. Tuy nhiên, số liệu từ Hình 3 cho thấy sinh viên đọc sách báo và giao tiếp

với người nước ngoài chiếm tỉ lệ thấp nhất.

4. Kết luận

Từ vựng rất quan trọng đối với người học tiếng Anh bởi đã học tiếng Anh thì phải biết giao tiếp trong mọi hoàn cảnh khi nghe, nói, đọc và viết. Một mô hình gồm bốn yếu tố: Hình thức từ (Form), Nghĩa của từ (Meaning), Cách sử dụng (Use) và Ngữ cảnh sử dụng từ (Context) luôn là một lựa chọn tốt hướng dẫn cho nhiều người học từ vựng để giao tiếp hiệu quả. Các nghiên cứu đã chứng minh điều này và rút ra được nhiều phương pháp học từ vựng giúp người học tiếng Anh giao tiếp tốt. Khi học từ vựng cần phải tìm phương tiện để tiếp xúc nguồn từ, ghi nhớ dạng từ bằng việc nắm chắc ý nghĩa thông qua cách sử dụng. Tuy nhiên nếu không có ngữ cảnh thì không thể hiểu được số từ vựng đó được sử dụng khi nào. Đây là điều cơ bản khiến người học tiếng Anh đã học nhiều nhưng không sử dụng được tiếng Anh khi giao tiếp. Các kết quả nghiên cứu tiêu biểu tại trường Đại học Khánh Hòa cho thấy phương pháp học từ vựng qua phim ảnh, âm nhạc và sách báo tiếng Anh là hiệu quả hơn việc học bằng ghi chép từ để học thuộc và nhớ. Sinh viên khá, giỏi đã sử dụng các phương pháp này để rèn luyện vì đây là một phương tiện giúp họ thường xuyên giao tiếp với tiếng Anh một cách nguyên bản (native) và kết quả họ giao tiếp một cách tự nhiên khi gặp trường hợp tương tự.

Tài liệu tham khảo

1. Ahmed, M.O. (1989). Vocabulary Learning Techniques. In P. Meara (Ed.) Beyond Words 3-14, London: CILT.
2. Cohen, A.D., & Aphek, E. (1981). Easifying Second Language Learning. Studies in Second Language Acquisition 3 (2), 221-236.
3. Cunningsworth, A. (1995). Choosing your coursebook. Oxford: Heinemann.

4. Ellis, N. (1995). Vocabulary Acquisition: Psychological Perspectives and Pedagogical Implications. *The Language Teacher* 19(2), 12-16.
5. Hamzah, S.G., Kafipour, R., & Abdullah, S. K. (2009). Vocabulary Learning Strategies of Iranian Undergraduate EFL Students and its Relation to their Vocabulary Size. *European Journal of Social Sciences* 11 (1).
6. McCarthy, M.J. (1990). *Vocabulary*. Oxford: Oxford University Press.
7. Nation, I. S. P. (2001). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. O'Malley, J., Chamot, A., Stewner-Manzares, G., Kupper, L. and Russo, R. (1985). Learning Strategies Used by Beginning and Intermediate ESL Student. *Language Learning* 35 (1), 21-46.
9. Oxford, R.L. & Scarcella, R.C. (1994). Second Language Vocabulary Learning among Adults: State of the art in vocabulary instruction. *System* 22(2), 231- 243.
10. Phùng Văn Đệ. (2012). Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp học từ vựng tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh Trường Đại học Trà Vinh. Trà Vinh.
11. Sannoui, R. (1992). *Vocabulary Learning and Teaching in French as a Second Language Classrooms*. Unpublished doctoral diss., University of Toronto, Toronto, Ontario, Canada.
12. Schmitt, N. (2000). *Vocabulary in language teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.
13. Sokmen, A. (1997). Current trends in teaching second language vocabulary. In N. Schmitt & M. McCarthy (eds.), *Vocabulary: Description, acquisition and pedagogy*, 237-257. Cambridge: Cambridge University Press.
14. Wilkins, D. (1972). *Linguistics in language teaching*. London: Arnold.